

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		217,454,329,612	132,342,549,242
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	491,503,824	1,460,160,314
1. Tiền	111		491,503,824	1,460,160,314
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145,868,256,594	89,515,790,743
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	84,179,904,853	45,090,025,258
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11,723,486,526	12,685,137,093
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	49,964,865,215	31,740,628,392
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		68,096,540,001	39,973,737,960
1. Hàng tồn kho	141	V.7	68,096,540,001	39,973,737,960
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,998,029,193	1,392,860,225
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2,331,417,520	1,174,242,425
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		666,611,673	218,617,800
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		820,220,202,455	871,419,281,777
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		727,708,638,149	781,924,573,305
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	719,612,105,197	773,501,880,941
- Nguyên giá	222		1,057,708,435,801	1,051,626,545,988
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(338,096,330,604)	(278,124,665,047)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	8,096,532,952	8,422,692,364
- Nguyên giá	228		9,626,146,689	9,626,146,689
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,529,613,737)	(1,203,454,325)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2,029,706,802	505,730,090
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	2,029,706,802	505,730,090
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		84,344,205,065	81,828,367,547
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	90,000,000,000	90,000,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(5,655,794,935)	(8,171,632,453)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6,137,652,439	7,160,610,835
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	6,137,652,439	7,160,610,835
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,037,674,532,067	1,003,761,831,019

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,026,182,288,762	905,427,058,943
I. Nợ ngắn hạn	310		363,140,685,646	255,750,754,387
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a,b	95,312,441,798	17,687,272,019
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	592,637,214	4,439,153,598
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3,874,426,516	4,467,400,907
4. Phải trả người lao động	314	V.16	4,476,097,444	3,318,399,821
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a,c	144,937,447,880	141,206,621,563
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a,c	113,553,610,333	83,288,982,018
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	394,024,461	1,342,924,461
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		663,041,603,116	649,676,304,556
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b,c	117,143,615,332	60,106,477,749
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b,c	545,897,987,784	589,569,826,807
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11,492,243,305	98,334,772,076
I. Vốn chủ sở hữu	410		11,492,243,305	98,334,772,076
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	272,236,470,000	272,236,470,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272,236,470,000	272,236,470,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	76,737,250,400	76,737,250,400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	22,694,204,001	22,694,204,001
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	(360,175,681,096)	(273,333,152,325)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(273,333,152,325)	(273,333,152,325)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(86,842,528,771)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,037,674,532,067	1,003,761,831,019

Đồng Nai, ngày 21 tháng 01 năm 2016


Đỗ Thị Thanh Huyền
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
 Kế toán trưởng


Trần Quốc Khánh
 P. Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ 4 NĂM 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ 4		LK TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	60.382.067.217	69.110.296.814	306.400.810.948	290.106.290.834
2. Các khoản giảm trừ	02					
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 02)	10		60.382.067.217	69.110.296.814	306.400.810.948	290.106.290.834
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	62.628.220.710	70.911.728.570	298.599.904.286	298.645.219.403
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20		(2.246.153.493)	(1.801.431.756)	7.800.906.662	(8.538.928.569)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.111.696	35.851.358	14.842.563	113.265.547
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	15.974.598.156	19.992.352.661	69.782.729.194	76.005.605.857
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.071.736.868	21.087.764.782	71.747.982.286	79.116.419.709
8. Chi phí bán hàng	24		1.743.127.358	2.377.305.100	7.143.648.935	8.039.442.430
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.907.454.811	6.479.012.351	17.205.414.872	19.031.059.628
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(23.870.222.122)	(30.614.250.510)	(86.316.043.776)	(111.501.770.937)
11. Thu nhập khác	31		5.288.330	57.227.657	49.372.382	386.144.100
12. Chi phí khác	32		366.478.808	155.716.478	575.857.377	912.092.141
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(361.190.478)	(98.488.821)	(526.484.995)	(525.948.041)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(24.231.412.600)	(30.712.739.331)	(86.842.528.771)	(112.027.718.978)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(24.231.412.600)	(30.712.739.331)	(86.842.528.771)	(112.027.718.978)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(890)	(1.128)	(3.190)	(4.115)

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đỗ Thị Thanh Huyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ánh

Lập, ngày tháng năm

TRẦN QUỐC KHÁNH
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	306.400.810.948	290.106.290.834
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01-02)	10		306.400.810.948	290.106.290.834
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	298.599.904.286	298.645.219.403
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20		7.800.906.662	(8.538.928.569)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	14.842.563	113.265.547
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	69.782.729.194	76.005.605.857
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		71.747.982.286	79.116.419.709
8. Chi phí bán hàng	24		7.143.648.935	8.039.442.430
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.205.414.872	19.031.059.628
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(86.316.043.776)	(111.501.770.937)
11. Thu nhập khác	31		49.372.382	386.144.100
12. Chi phí khác	32		575.857.377	912.092.141
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(526.484.995)	(525.948.041)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(86.842.528.771)	(112.027.718.978)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(86.842.528.771)	(112.027.718.978)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(3.190)	(4.115)

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đỗ Thị Thanh Huyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ánh

Lập, ngày tháng năm



TRƯỞNG GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(86,842,528,771)	(112,027,718,979)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7, V.8	60,297,824,969	60,737,926,041
- Các khoản dự phòng	03	V.11	(2,515,837,518)	(3,563,078,389)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	416,554,621	(6,582,080)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7	-	(98,319,837)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	71,747,982,286	79,114,390,204
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		43,103,995,587	24,156,616,960
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(56,800,459,724)	(40,914,429,896)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(28,122,802,041)	38,223,570,691
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		64,533,849,311	5,766,668,244
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(134,216,699)	(151,184,029)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.18, VI.4	(6,984,994,342)	(19,699,789,838)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	(948,900,000)	(1,758,921,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14,646,472,092	5,622,531,132
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.3, V.7, V.9	(2,208,051,900)	(5,200,907,871)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	-	245,454,549
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2,208,051,900)	(4,955,453,322)

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14	147,328,796,830	126,631,189,643
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14	(160,736,007,538)	(126,755,660,582)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13,407,210,708)	(124,470,939)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(968,790,516)	542,606,871
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1,460,160,314	918,704,302
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		134,026	(1,150,859)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	491,503,824	1,460,160,314

Đồng Nai, ngày 21 tháng 01 năm 2016



Đỗ Thị Thanh Huyền
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng



Trần Quốc Khánh
P. Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tấm lợp và xây lắp; Dịch vụ thương mại; Khai thác xử lý và cung cấp nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh	Số 2/14 - 2/16 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh
Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai	Khu công nghiệp Ông Kèo, ấp 03, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 400 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 414 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa, cải tạo

Chi phí sửa chữa, cải tạo phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Chi phí xây dựng đường đê

Chi phí xây dựng tuyến đường đê tại Khu công nghiệp Ông Kèo phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	02% - 20%
Máy móc và thiết bị	6,6% - 33,3%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05% - 16,6%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10% - 33,33%

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với tỷ lệ từ 02%/năm đến 2,5%/năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	136.498.106	108.681.574
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	355.005.718	1.351.478.740
Cộng	<u>491.503.824</u>	<u>1.460.160.314</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			-			-
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh ⁽ⁱ⁾	90.000.000.000 (5.655.794.935)		-	90.000.000.000 (8.171.632.453)		-
Cộng	<u>90.000.000.000 (5.655.794.935)</u>		<u>-</u>	<u>90.000.000.000 (8.171.632.453)</u>		<u>-</u>

- (i) Khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần xi măng Công Thanh với số lượng cổ phiếu sở hữu là 9.000.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

Dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(8.171.632.453)	(11.734.710.842)
Hoàn nhập dự phòng	2.515.837.518	2.317.411.464
Số cuối kỳ	<u>(5.655.794.935)</u>	<u>9.417.299.378</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>72.210.915.465</u>	<u>44.539.297.910</u>
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	72.210.915.465	44.539.297.910
Phải thu các khách hàng khác	<u>11.968.989.388</u>	<u>550.727.348</u>
Công ty cổ phần xi măng trắng Việt Nam	7.860.400.000	-
Các khách hàng khác	4.108.589.388	550.727.348
Cộng	<u>84.179.904.853</u>	<u>45.090.025.258</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	11.723.486.526	12.685.137.093
Công ty TNHH cơ khí Kinh Bắc	9.600.000.000	9.600.000.000
Công ty cổ phần sản xuất thương mại Đào Gia	646.206.461	1.999.999.998
Công ty tư vấn và thiết kế xây dựng	256.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.221.280.065	1.085.137.095
Cộng	11.723.486.526	12.685.137.093

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu khác</i>	49.964.865.215	-	31.740.628.392	-
Các khoản thu khác có liên quan đến sự cố hư cần cầu của cảng Nhà máy xi măng tại Nhơn Trạch – Đồng Nai đang chờ bồi thường (xem thuyết minh VIII.1)	41.464.623.975	-	26.567.946.689	-
Phải thu tạm ứng án phí liên quan đến sự cố cần cầu	2.959.735.222	-	1.713.435.422	-
Tạm ứng	5.135.835.179	-	2.943.646.681	-
Ký cược, ký quỹ	31.300.000	-	31.300.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	373.370.839	-	484.299.600	-
Cộng	49.964.865.215	-	31.740.628.392	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	5.940.000.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	17.963.132.880	-	28.631.763.368	-
Công cụ, dụng cụ	935.422.924	-	446.929.493	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.593.715	-	25.593.715	-
Thành phẩm	49.172.390.482	-	4.929.451.384	-
Cộng	68.096.540.001	-	39.973.737.960	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa nhà máy xi măng Công Thanh Nhơn Trạch	449.562.077	681.818.182
Chi phí sửa chữa đường, bãi vật tư, nhà vệ sinh	171.245.708	492.424.243

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa, lắp đặt máy nghiền	1.710.609.735	-
Cộng	<u>2.331.417.520</u>	<u>1.174.242.425</u>

7b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí xây dựng tuyến đường đê tại Khu công nghiệp Ông Kèo còn phải phân bổ.

8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	483.121.696.212	517.484.108.850	46.990.487.012	4.030.253.914	1.051.626.545.988
Mua sắm trong kỳ	-	5.166.480.000	593.276.267	-	5.759.756.267
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	322.133.546	322.133.546
Số cuối kỳ	<u>483.121.696.212</u>	<u>522.650.588.850</u>	<u>47.583.763.279</u>	<u>4.352.387.460</u>	<u>1.057.708.435.801</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	17.097.455.871	60.424.030.025	10.564.099.549	350.750.875	88.436.336.320
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	90.984.858.971	157.538.948.902	27.500.330.250	2.100.526.924	278.124.665.047
Khấu hao trong kỳ	23.105.428.567	31.555.790.641	4.587.742.691	722.703.658	59.971.665.557
Số cuối kỳ	<u>114.090.287.538</u>	<u>189.094.739.543</u>	<u>32.088.072.941</u>	<u>2.823.230.582</u>	<u>338.096.330.604</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	392.136.837.241	359.945.159.948	19.490.156.762	1.929.726.990	773.501.880.941
Số cuối kỳ	<u>369.031.408.674</u>	<u>333.555.849.307</u>	<u>15.495.690.338</u>	<u>1.529.156.878</u>	<u>719.612.105.197</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.118.644.029	507.502.660	9.626.146.689
Số cuối kỳ	<u>9.118.644.029</u>	<u>507.502.660</u>	<u>9.626.146.689</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	43.997.560	43.997.560
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	907.707.402	295.746.923	1.203.454.325

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Khấu hao trong kỳ	233.466.108	92.693.304	326.159.412
Số cuối kỳ	1.141.173.510	388.440.227	1.529.613.737
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.210.936.627	211.755.737	8.422.692.364
Số cuối kỳ	7.977.470.519	119.062.433	8.096.532.952
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	505.730.090
Phát sinh trong kỳ	1.846.110.258
Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	(322.133.546)
Số cuối kỳ	2.029.706.802

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ tính thuế với số tiền là 340.754.128.171 VND.

Thời hạn sử dụng tối đa của các khoản lỗ tính thuế được chuyển sang bù trừ vào thu nhập các năm sau như sau:

2017	44.484.684.257
2018	124.072.947.915
2019	110.158.785.211
2020	85.610.532.803
Cộng	364.326.950.186

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản lỗ này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	95.312.441.798	17.687.272.019
Astrade Solution LP	15.670.187.348	-
Material resources & trading Corporation	2.518.830.800	5.509.719.394
Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB	38.734.745.600	-
Công ty TNHH khoáng sản Hiệp Lực	4.862.058.968	3.334.878.480

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Logistics –		
Chi nhánh khu vực phía Nam	4.918.361.060	2.478.352.320
Doanh nghiệp tư nhân Đại Quốc Cường	2.525.643.151	1.777.190.880
Xí nghiệp dịch vụ khu công nghiệp Giang Điền –		
Tổng công ty phát triển khu công nghiệp	2.224.595.108	1.963.182.308
Các nhà cung cấp khác	23.858.019.763	2.623.948.637
Cộng	<u>95.312.441.798</u>	<u>17.687.272.019</u>

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	592.637.214	4.439.153.598
Doanh nghiệp tư nhân Quang Bình Minh	-	4.076.956.351
Công ty cổ phần vận tải An Tôn	228.088.251	328.088.261
Các khách hàng khác	364.548.963	34.108.986
Cộng	<u>592.637.214</u>	<u>4.439.153.598</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	4.374.911.795	(4.374.911.795)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.392.154.777	(3.392.154.777)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.615.311.799	(1.615.311.799)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	26.170.499	201.900.707	(196.003.130)	32.068.076
Thuế tài nguyên	4.211.518	69.334.411	(68.206.379)	5.339.550
Thuế nhà thầu	4.437.018.890	-	(600.000.000)	3.837.018.890
Các loại thuế khác	-	12.544.000	(12.544.000)	-
Cộng	<u>4.467.400.907</u>	<u>9.666.157.489</u>	<u>(10.259.131.880)</u>	<u>3.874.426.516</u>

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước	05%
- Tầm lợi, xi măng, gạch, vận chuyển, phế liệu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(86.842.528.771)	(112.027.718.979)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.231.995.968	1.868.933.768
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	(85.610.532.803)	(110.158.785.211)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác sử dụng nước với mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước mặt phục vụ sản xuất: 01%
- Sử dụng nước dưới đất phục vụ sản xuất: 03%
- Sử dụng nước dưới đất dùng cho hoạt động dịch vụ, sản xuất công nghiệp, xây dựng: 05%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

Quỹ lương của Công ty được xác định như sau:

- Quỹ tiền lương tại nhà máy Biên Hòa I được trích dựa vào số lượng thành phẩm sản xuất và đã được Hội đồng quản trị thông qua, cụ thể như sau:
 - Xi măng: 24.000 VND/tấn
 - Tấm lợp: 2.800 VND/m²
 - Gạch: 350 VND/viên
- Lương của nhân viên tại Nhà máy Nhơn Trạch được tính theo lương khoán.

Số dư cuối kỳ là khoản tiền lương năm 2015 và quỹ lương còn lại phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	144.937.447.880	141.206.621.563
Kinh phí công đoàn	241.303.072	150.243.322
Bảo hiểm xã hội	425.522.972	177.237.011
Bảo hiểm y tế	270.635.536	183.225.026
Bảo hiểm thất nghiệp	94.191.271	68.346.526
Cổ tức phải trả	27.263.285.675	27.263.285.675
Lãi vay phải trả	79.299.499.917	71.778.741.468
Tiền bồi thường cần cầu (*)	33.287.355.900	37.547.655.900
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.055.653.537	4.037.886.635
Cộng	<u>144.937.447.880</u>	<u>141.206.621.563</u>

(*) Tiền nhận bồi thường thiệt hại hư cần cầu từ All Ocean Transportation Inc theo kết quả của Tòa phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 39.146.055.960 VND. Khoản tiền này được dùng để thanh toán các chi phí sửa chữa phục hồi lại cần cầu. Phần chênh lệch còn lại sẽ ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi công tác sửa chữa hoàn tất. Trong năm 2014 và năm 2015, Công ty đã thanh toán chi phí sửa chữa cần cầu với số tiền lần lượt là 1.598.400.000 VND và 4.260.300.000 VND.

16b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân</i>	113.553.610.333	113.553.610.333	83.288.982.018	83.288.982.018
Vay ngắn hạn ngân hàng	69.881.771.310	69.881.771.310	83.288.982.018	83.288.982.018
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽¹⁾</i>	69.881.771.310	69.881.771.310	83.288.982.018	83.288.982.018
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	43.671.839.023	43.671.839.023	-	-
Cộng	<u>113.553.610.333</u>	<u>113.553.610.333</u>	<u>83.288.982.018</u>	<u>83.288.982.018</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán các khoản chi phí sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi được điều chỉnh 01 tháng một lần (lãi suất trong kỳ là 9%), thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	83.288.982.018	147.328.796.830	-	(160.736.007.538)	69.881.771.310
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	43.671.839.023	-	43.671.839.023
Cộng	83.288.982.018	147.328.796.830	43.671.839.023	(160.736.007.538)	113.553.610.333

17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh ở Nhơn Trạch công suất 1.800.000 tấn/năm với lãi suất vay theo phương pháp thả nổi được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân (lãi suất trong năm khoảng 10,8%). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	43.671.839.023	-
Trên 01 năm đến 05 năm	349.374.712.182	589.569.826.807
Trên 05 năm	196.523.275.602	-
Cộng	589.569.826.807	589.569.826.807

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	589.569.826.807	404.569.826.807
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(43.671.839.023)	(23.000.000.000)
Số cuối kỳ	545.897.987.784	381.569.826.807

17c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	1.342.924.461
Chi quỹ	(948.900.000)
Số cuối kỳ	394.024.461

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(161.305.433.346)	210.362.491.055
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	(52.166.443.198)	(52.166.443.198)
Số dư cuối kỳ trước	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(213.471.876.544)	158.196.047.857
Số dư đầu năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(273.333.152.325)	98.334.772.076
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	(86.842.528.771)	(86.842.528.771)
Số dư cuối kỳ này	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(360.175.681.096)	11.492.243.305

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam	34.023.660.000	34.023.660.000
Ông Nguyễn Công Lý	57.200.000.000	57.200.000.000
Các cổ đông khác	181.012.810.000	181.012.810.000
Cộng	272.236.470.000	272.236.470.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.223.647	27.223.647
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**20a. Tài sản nhận giữ hộ**

Vật tư nhận gia công của Công ty cổ phần xi măng Công Thanh như sau:

Chủng loại	Đơn vị tính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Clinker	Tấn	3.737,82	16.181,52
Vỏ bao xi măng	Cái	940.269,00	954.291,00

20b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	44,02	44,02

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Euro (EUR)	373,86	373,50

20c. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu hàng với số tiền 39.460.608 VND đã được xóa sổ do các công ty này đã giải thể.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	8.964.000.000	-
Doanh thu bán tấm lợp	147.351.759.640	167.445.471.640
Doanh thu gia công xi măng	128.278.964.002	101.921.623.224
Doanh thu bán thành phẩm khác	17.562.142.531	19.375.150.218
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.243.944.775	1.364.045.752
Cộng	<u>306.400.810.948</u>	<u>290.106.290.834</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Công ty cổ phần xi măng Công Thanh với số tiền là 130.272.277.509 VND (cùng kỳ năm trước là 102.571.415.714 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.466.000.000	-
Giá vốn của tấm lợp đã bán	113.813.376.154	141.831.313.979
Giá vốn gia công xi măng	158.283.687.641	138.359.567.883
Giá vốn bán thành phẩm khác đã bán	17.562.141.585	18.204.918.203
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	474.698.906	249.419.338
Cộng	<u>298.599.904.286</u>	<u>298.645.219.403</u>

3. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	71.747.982.286	79.114.390.204
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	134.029.805	454.294.042
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	416.554.621	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(2.515.837.518)	(3.563.078.389)
Cộng	<u>69.782.729.194</u>	<u>76.005.605.857</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.207.813.224	1.937.921.372
Chi phí vật liệu, bao bì	782.049.327	1.301.663.309
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.875.091.818	1.848.953.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	260.579.555	891.223.954
Các chi phí khác	2.018.115.011	2.059.680.014
Cộng	7.143.648.935	8.039.442.430

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.828.718.418	4.153.766.852
Chi phí vật liệu quản lý	2.277.374.511	1.930.109.280
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.698.743.307	1.704.759.447
Thuế, phí và lệ phí	211.076.715	128.713.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.476.441.170	4.954.405.463
Các chi phí khác	4.713.060.751	6.159.304.992
Cộng	17.205.414.872	19.031.059.628

6. Lãi trên cổ phiếu**6a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(86.842.528.771)	(112.027.718.979)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	(86.842.528.771)	(112.027.718.979)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	27.223.647	27.223.647
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	(3.190)	(4.115)

6b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Ngày 22 tháng 5 năm 2012, Công ty đã kiện All Ocean Transportation Inc vì đã đâm vào cần cầu của Cảng Nhà máy xi măng Công Thanh và hy vọng sẽ được thanh toán một khoản tiền thiệt hại 181.284.000.000 VND. Ngày 07 tháng 6 năm 2012, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có Quyết định số 41/2012/QĐ.BTHBPBĐ buộc All Ocean Transportation Inc thực hiện bảo lãnh ngân hàng với số tiền là 7.500.000,00 USD để hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tàu YM Intelligent. Ngày 26 tháng 10 năm 2012, Công ty tiếp tục có đơn kiện bổ sung yêu cầu All Ocean Transportation Inc phải bồi thường 518.870.844.100 VND thay vì 181.284.000.000 VND như yêu cầu ban đầu. Mặc dù Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có Bản án số 09/2013/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2013 buộc All Ocean Transportation Inc phải bồi thường thiệt hại cho Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai với số tiền là 130.584.800.632 VND, tuy nhiên cả hai Công ty vẫn chưa đồng ý mà tiếp tục gửi đơn xin phúc thẩm. Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hồ Chí Minh đã có Bản án số 117/2014/DSPT từ ngày 19 đến 20 tháng 5 năm 2014, All Ocean Transportation Inc đã bồi thường thiệt hại về cần cầu cho Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai với số tiền USD 1,837,843.00 tương đương 39.146.055.900 VND. Công ty tiếp tục chuyển hồ sơ yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết lại vấn đề về thiệt hại sản xuất kinh doanh và cầu cảng. Ngày 14/08/2015 và ngày 31/08/2015 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đưa vụ án ra xét xử. Ngày 30/09/2015 Công ty đã nhận được bản án số 09/2015/DS-ST ngày 01/09/2015 của Tòa án nhân dân Tỉnh Đồng Nai buộc Công ty All Ocean Transportation Inc phải bồi thường thiệt hại cho Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai. Ngày 07/09/2015 Công ty All Ocean Transportation Inc kháng cáo yêu cầu tòa phúc thẩm xem xét. Vụ án đang tiếp tục được Tòa án cấp trên thụ lý giải quyết.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.134.000.000	2.008.384.000
Thù lao và các khoản khác	11.580.000	119.200.000
Cộng	2.145.580.000	2.127.584.000

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần bê tông Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác ngoài Công ty cổ phần xi măng Công Thanh. Giao dịch phát sinh với Công ty cổ phần xi măng Công Thanh như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua nguyên vật liệu và thành phẩm	68.136.990.581	56.233.505.629
Cho mượn	-	2.480.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.3.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

3a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất tấm lợp: sản xuất và kinh doanh sản phẩm tấm lợp.
- Lĩnh vực sản xuất xi măng: sản xuất và gia công xi măng.
- Các lĩnh vực khác: dịch vụ vận chuyển.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực sản xuất tầm lợi</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất xi măng</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	147.351.759.640	128.278.964.002	30.770.087.306	-	306.400.810.948
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>147.351.759.640</u>	<u>128.278.964.002</u>	<u>30.770.087.306</u>	<u>-</u>	<u>306.400.810.948</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	17.436.022.262	(35.894.645.476)	1.910.466.069	-	(16.548.157.145)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(16.548.157.145)
Doanh thu hoạt động tài chính					14.842.563
Chi phí tài chính					(69.782.729.194)
Thu nhập khác					49.372.382
Chi phí khác					(575.857.377)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					<u>(86.842.528.771)</u>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	<u>4.815.000.000</u>	<u>673.613.546</u>	<u>593.276.267</u>	<u>-</u>	<u>6.081.889.813</u>
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	<u>1.253.306.740</u>	<u>56.493.641.500</u>	<u>3.573.835.125</u>	<u>-</u>	<u>61.320.783.365</u>
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	167.445.471.640	101.921.623.224	20.739.195.970	-	290.106.290.834
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.346.766.200	5.750.000	-	(1.352.516.200)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>168.792.237.840</u>	<u>101.927.373.224</u>	<u>20.739.195.970</u>	<u>(1.352.516.200)</u>	<u>290.106.290.834</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.605.699.464	(43.458.403.153)	(595.789.262)	(1.352.516.200)	(35.609.430.627)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất tấm lợp	Lĩnh vực sản xuất xi măng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(35.609.430.627)
Doanh thu hoạt động tài chính					113.265.547
Chi phí tài chính					(76.005.605.857)
Thu nhập khác					386.144.100
Chi phí khác					(912.092.142)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(112.027.718.979)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	6.165.497.362	1.303.092.818	-	7.468.590.180
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	755.492.172	59.839.219.750	1.166.272.515	-	61.760.984.437
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất tấm lợp	Lĩnh vực sản xuất xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	66.334.790.805	867.312.268.115	12.820.585.768	946.467.644.688
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				91.206.887.379
Tổng tài sản				1.037.674.532.067
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	178.999.017.383	804.933.994.915	3.045.540.169	986.978.552.467
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				39.203.736.295
Tổng nợ phải trả				1.026.182.288.762
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	24.585.796.961	887.533.685.050	260.872.550	912.380.354.561
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				91.381.476.458
Tổng tài sản				1.003.761.831.019
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	160.605.036.533	704.936.881.188	356.131.234	865.898.048.955
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất tấm lợp	Lĩnh vực sản xuất xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				39.529.009.988
Tổng nợ phải trả				905.427.058.943

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

4a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

4b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ					
Phải thu ngắn hạn khác	136	44.797.799.099	5.167.066.116	49.964.865.215	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	5.167.066.116	(5.167.066.116)	-	(i)
Quỹ đầu tư phát triển	418	11.243.301.309	11.450.902.692	22.694.204.001	(ii)

(i) Phải thu ngắn hạn khác và Tài sản ngắn hạn khác

Các điều chỉnh bao gồm:

Điều chỉnh khoản tạm ứng đang trình bày ở chi tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" sang chi tiêu "Phải thu ngắn hạn khác"

5.135.766.116

Điều chỉnh khoản ký quỹ ngắn hạn đang trình bày ở chi tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" sang chi tiêu "Phải thu ngắn hạn khác"

31.300.000

Cộng

5.167.066.116

(ii) Quỹ đầu tư phát triển

Điều chỉnh số dư đầu năm của chi tiêu "Quỹ dự phòng tài chính" sang "Quỹ đầu tư phát triển".

Đồng Nai, ngày 21 tháng 01 năm 2016

Đỗ Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng



Trần Quốc Khánh
P.Tổng Giám đốc